

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Châu

Ông Trần Đại Nghĩa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L sinh năm 1979

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 169, ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 10, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ sinh năm 1976

Nơi cư trú: Số 169, ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Phạm Văn Đ quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng hơn 03 (Ba) năm thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng đầu năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2002, hai bên mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/12/2002.

Theo bà L, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn mười năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Đ thường xuyên cùng bạn bè uống rượu rồi có hành vi phá tán tài sản gia đình. Ngoài ra, bà L còn “ngghi ngờ” ông Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác (nhưng bà L không có bằng chứng để cung cấp cho Tòa án) dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên lớn tiếng xúc phạm nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt mà không thể hàn gắn được. Mặc dù cha mẹ hai bên gia đình đều khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể giải quyết được. Khoảng giữa năm 2020, bà L có nộp đơn ly hôn với ông Đ tại Tòa án nhưng ông Đ không đồng ý ly hôn nên bà L đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn, từ khoảng tháng 4/2020 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Phạm Thị Bích H, sinh ngày 22/3/1997, cháu Phạm Hoài H1, sinh ngày 03/02/2003 và cháu Phạm Hòa H2, sinh ngày 30/6/2005.

Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H2. Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Cháu H và cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 13 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - ông Phạm Văn Đ trình bày:

Ông Phạm Văn Đ thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị Bích L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn từ năm 1996. Đến ngày 12/12/2002, ông và bà L mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Theo ông Đ, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn mười năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là vào khoảng đầu năm 2020 ông Đ có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ nên bà L đã nộp đơn xin ly hôn với ông Đ tại Tòa án nhưng ông Đ không đồng ý ly hôn. Ông Đ xác nhận đã chấm dứt quan hệ tình cảm với người phụ nữ đó nhưng tình cảm vợ chồng không còn được như trước mà luôn có khoảng cách mặc dù ông Đ đã cố gắng hàn gắn nhưng khoảng hơn sáu tháng trở lại đây thì vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, vợ chồng cũng không nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn. Nay ông Đ nhận thấy khả năng đoàn tụ của vợ chồng là không có nhưng do ông Đ là người theo đạo công giáo nên ông Đ không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

- Về con chung: Ông Đ thừa nhận vợ chồng có ba con chung là cháu Phạm Thị Bích H, sinh ngày 22/3/1997, cháu Phạm Hoài H1, sinh ngày 03/02/2003 và cháu Phạm Hòa H2, sinh ngày 30/6/2005.

Nếu ly hôn, ông Đ đồng ý giao cháu H2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ không cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu. Cháu H và cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông Phạm Văn Đ khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Hòa H2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu. Cháu Phạm Thị Bích H và cháu Phạm Hoài H1 đã thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Phạm Văn Đ tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/12/2002 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình là có căn cứ phù hợp với lời khai của ông Đ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, ông Đ không đồng ý ly hôn vì lý do tôn giáo nhưng ông Đ cũng thừa nhận khả năng vợ chồng đoàn tụ là không có. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng ông Đ đều vắng mặt thể hiện ông Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà L. Xét mâu thuẫn giữa bà L và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Bà L và ông Đ có ba con chung là cháu Phạm Thị Bích H, sinh ngày 22/3/1997, cháu Phạm Hoài H1, sinh ngày 03/02/2003 và cháu Phạm Hòa H2, sinh ngày 30/6/2005.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi con chung, nhận thấy: Hiện cháu H2 đang sống cùng với bà L, yêu cầu của bà L là được trực tiếp nuôi con phù hợp với nguyện vọng của cháu H2 và được ông Đ đồng ý. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu H2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Cháu Phạm Thị Bích H và cháu Phạm Hoài H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về cấp dưỡng:* Bà L hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà L không yêu cầu nên tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] *Về nợ chung:* Các đương sự xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bích L.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho bà Nguyễn Thị Bích L và ông Phạm Văn Đ được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu Phạm Hòa H2, sinh ngày 30/6/2005 cho bà Nguyễn Thị Bích L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Cháu Phạm Thị Bích H và cháu Phạm Hoài H1 đã thành niên và có khả năng lao động.

2.2 Tạm thời ông Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu.

2.3 Ông Phạm Văn Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0006436 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã L, huyện Thống Nhất (GCNKH số 121/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang